

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 113/2026/TLST–HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2026 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1996.

Trú tại: Xóm S, xã Q, tỉnh Nghệ An

Bị đơn: Anh Trương Văn Q, sinh năm: 1992

Trú tại: Xóm S, xã Q, tỉnh Nghệ An

Căn cứ, Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83, 107, 110, 117, 118 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20/4/2026.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20/4/2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị T và anh Trương Văn Q.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị T và anh Trương Văn Q thống nhất thuận tình ly hôn.

Về con chung: Giao con chung tên là Trương An N, sinh ngày 24/04/2024 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ ngày 29/4/2026 cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Anh Q cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng 2.000.000 Đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi trưởng thành. Thi hành kể từ tháng 5 năm 2026.

Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Anh Trương Văn Q không trực tiếp nuôi con chung, có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng có căn cứ theo quy định của Pháp luật, theo yêu cầu của một bên hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Trương Văn Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T tự nguyện nộp 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm **nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị T** đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An theo biên lai số 0002675 ngày 14/4/2026. **Hoàn trả cho chị T số tiền 150.000 đồng còn lại. Anh Trương Văn Q phải nộp 150.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.**

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận

- Tòa án ND tỉnh Nghệ An;
- VKSND khu vực 10- Nghệ An;
- Cơ quan THADS tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- UBND xã Q, tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lương Huyền Anh